ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 399 /KH-UBND	*Lào Cai, ngày 21tháng 8 năm 2026*

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số tỉnh Lào Cai giai đoạn 2026 - 2030

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Luật Chuyển đổi số số 148/2025/QH15 ngày 11/12/2025;

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Chính phủ ban hành kế hoạch hành động của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện;

- Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 1266/QĐ-TTg ngày 14/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chiến lược quốc gia về chuyển đổi số giai đoạn 2026 – 2030, định hướng đến năm 2045;

- Quyết định số 1132/QĐ-TTg ngày 09/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược hạ tầng số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 01/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển Chính phủ số;

- Quyết định số 411/QĐ-TTg, ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2030, định hướng đến năm 2035;

- Kế hoạch số 01-KH/TU ngày 01/7/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai về hành động thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ

Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Kế hoạch số 66/KH-UBND ngày 28/08/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai thực hiện Kế hoạch số 01-KH/TU ngày 01/7/2025 của Tỉnh ủy Lào Cai về hành động thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đến năm 2030;

- Kế hoạch số 201/KH-UBND ngày 24/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai triển khai Chiến lược dữ liệu tỉnh Lào Cai đến năm 2030;

- Kế hoạch số 211/KH-UBND ngày 11/5/2026 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Lào Cai triển khai thực hiện Đề án "Chuyển đổi số các doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2026 – 2030" trên địa bàn tỉnh Lào Cai;

- Kế hoạch số 271/KH-UBND ngày 04/6/2026 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Lào Cai triển khai Chương trình phát triển công nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2026 – 2030;

- Quyết định số 2608/QĐ-UBND ngày 29/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về việc phê duyệt Chiến lược chuyển đổi số tỉnh Lào Cai đến năm 2035.

II. BỐI CẢNH

Giai đoạn 2026 - 2030 là giai đoạn chuyển đổi số bước sang chiều sâu, chuyển mạnh từ số hóa hoạt động sang đổi mới phương thức quản trị, điều hành và phát triển kinh tế - xã hội dựa trên dữ liệu, nền tảng số và trí tuệ nhân tạo. Dữ liệu trở thành nguồn lực quan trọng; trí tuệ nhân tạo, điện toán đám mây, Internet vạn vật và các công nghệ số chiến lược ngày càng được ứng dụng sâu rộng trong hoạt động của cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và đời sống xã hội.

Chiến lược quốc gia về chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030 xác định thể chế số, hạ tầng số, dữ liệu số, nền tảng số, nhân lực số và doanh nghiệp công nghệ số là các trụ cột cốt lõi; chuyển đổi số phải lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, gắn với phát triển kinh tế số, xã hội số, bảo đảm chủ quyền số, an ninh mạng, an ninh dữ liệu và bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Đối với tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2026 - 2030 diễn ra trong bối cảnh tổ chức bộ máy và mô hình chính quyền địa phương hai cấp được kiện toàn, không gian phát triển được mở rộng, đặt ra yêu cầu cấp thiết về thống nhất hạ tầng, nền tảng, dữ liệu, quy trình nghiệp vụ và phương thức quản trị trên phạm vi toàn tỉnh. Lào Cai có nhiều tiềm năng để tạo đột phá chuyển đổi số trong các lĩnh vực cửa khẩu, logistics, du lịch, nông nghiệp, thương mại, giáo dục, y tế và quản trị đô thị. Tuy nhiên, địa hình rộng, nhiều khu vực vùng cao, biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, điều kiện tiếp cận hạ tầng và kỹ năng số chưa đồng đều tiếp tục đặt ra yêu cầu bảo đảm chuyển đổi số toàn diện, bao trùm, không để người dân bị bỏ lại phía sau.

Việc triển khai Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Lào Cai giai đoạn 2026 - 2030 nhằm cụ thể hóa Chiến lược quốc gia về chuyển đổi số, gắn chuyển đổi số với yêu cầu phát triển nhanh, bền vững của tỉnh, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của

chính quyền, tạo động lực tăng trưởng mới và nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân.

III. TẦM NHÌN

Đến năm 2030, Lào Cai phấn đấu trở thành cực tăng trưởng và trung tâm số dẫn đầu vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

- ***Chính quyền số:*** Hình thành Chính quyền số hiện đại, vận hành hoàn toàn dựa trên dữ liệu thời gian thực và trí tuệ nhân tạo phục vụ mô hình chính quyền địa phương hai cấp thông suốt, minh bạch.

- ***Kinh tế số:*** Trở thành động lực tăng trưởng chính với đột phá là mô hình Cửa khẩu thông minh tại Kim Thành và Bản Vược; phát triển mạnh mẽ kinh tế di sản, du lịch số chất lượng cao và nông nghiệp hàng hóa dựa trên công nghệ số.

- ***Xã hội số:*** Phát triển toàn diện và bao trùm; mọi công dân, bao gồm cả đồng bào vùng sâu, vùng xa, đều có danh tính số và tiếp cận đầy đủ các phúc lợi số về y tế, giáo dục trên môi trường mạng an toàn.

IV. QUAN ĐIỂM

1. Chuyển đổi số là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, xuyên suốt, là một trong những động lực quan trọng để đổi mới phương thức quản trị, nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Người dân và doanh nghiệp là trung tâm, chủ thể và đối tượng thụ hưởng. Kết quả chuyển đổi số được đánh giá bằng hiệu quả hoạt động của cơ quan nhà nước, mức độ thuận tiện, hài lòng và giá trị thiết thực mang lại.

3. Thể chế số đi trước một bước; hạ tầng số đồng bộ, hiện đại, an toàn; dữ liệu là tài nguyên chiến lược; nền tảng số dùng chung là công cụ triển khai thống nhất; nhân lực số và doanh nghiệp công nghệ số là lực lượng nòng cốt.

4. Dữ liệu được quản trị theo nguyên tắc "đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung"; tăng cường kết nối, chia sẻ, tái sử dụng; chuyển mạnh quản lý, chỉ đạo, điều hành sang phương thức dựa trên dữ liệu và AI.

5. Ưu tiên nền tảng dùng chung và sản phẩm, dịch vụ công nghệ số Việt Nam; hạn chế đầu tư phân tán, trùng lặp; bảo đảm liên thông, chia sẻ dữ liệu và tuân thủ Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số.

6. Chuyển đổi số gắn chặt với tự chủ công nghệ, bảo đảm an toàn, an ninh mạng, an ninh dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân, bí mật nhà nước và chủ quyền số.

7. Phát triển xã hội số toàn diện, bao trùm; ưu tiên vùng sâu, vùng xa, biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và nhóm yếu thế; thu hẹp khoảng cách số giữa các khu vực.

V. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện trên cả ba trụ cột, trọng tâm là xây dựng Chính quyền số hiện đại, vận hành dựa trên dữ liệu và công nghệ số để nâng cao

hiệu lực, hiệu quả quản trị nhà nước; đặc biệt ưu tiên phục vụ vận hành mô hình **chính quyền địa phương 02 cấp** nhằm bảo đảm hợp nhất hạ tầng, nền tảng và dữ liệu thống nhất, đồng bộ sau sắp xếp tổ chức bộ máy. Tập trung đơn giản hóa các thủ tục hành chính thông qua tái cấu trúc quy trình, số hóa và tái sử dụng dữ liệu để cắt giảm thành phần hồ sơ, hướng tới cung cấp các dịch vụ công trực tuyến chất lượng cao, **"phi địa giới hành chính"** phục vụ tốt nhất nhu cầu của người dân và doanh nghiệp.

Kinh tế số được định vị là động lực tăng trưởng chủ yếu, đóng góp quan trọng vào GRDP của tỉnh; trong đó ưu tiên vận hành mô hình **Cửa khẩu thông minh** tại Cửa khẩu Quốc tế Lào Cai để tạo đột phá trong giao thương quốc tế. Đồng thời, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số, AI và dữ liệu lớn vào các ngành kinh tế trọng điểm như du lịch, nông nghiệp đặc hữu, logistics và hỗ trợ doanh nghiệp địa phương chuyển đổi mô hình kinh doanh số bền vững.

Song song với đó, Xã hội số được phát triển theo hướng văn minh, an toàn và bao trùm thông qua việc phổ cập kỹ năng số cộng đồng với phong trào **"Bình dân học vụ số"**, đảm bảo mọi tầng lớp Nhân dân, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa và đồng bào dân tộc thiểu số, đều được tiếp cận bình đẳng các dịch vụ số thiết yếu về y tế, giáo dục, phúc lợi thông qua **Ứng dụng Công dân số tỉnh Lào Cai** trên một môi trường số an toàn, tin cậy. Toàn bộ tiến trình chuyển đổi số bám sát các mục tiêu đột phá tại **Nghị quyết số 57-NQ/TW** của Bộ Chính trị, góp phần đưa Lào Cai trở thành cực tăng trưởng và trung tâm kết nối của khu vực.

2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

2.1. Chính quyền số

a) Dịch vụ công

- 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa theo quy định.

- Phấn đấu 99% người dân, doanh nghiệp hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

- 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

- 100% hồ sơ công việc của các cơ quan nhà nước cấp tỉnh, cấp xã được xử lý trên môi trường mạng, trừ hồ sơ thuộc phạm vi bí mật nhà nước.

- 100% cơ quan nhà nước sử dụng thống nhất, hiệu quả các nền tảng số dùng chung quốc gia và nền tảng số dùng chung của tỉnh phục vụ chỉ đạo, điều hành và cung cấp dịch vụ công.

- 100% thủ tục hành chính được rà soát, rút gọn, đơn giản hóa, thời gian xử lý giảm tối thiểu 30%.

- Phấn đấu 80% người dân và doanh nghiệp thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường số; 100% dịch vụ công hỗ trợ thanh toán điện tử.

b) Dữ liệu, nền tảng và điều hành thông minh

- 100% hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý của tỉnh được kết nối, chia sẻ dữ liệu thông qua các dịch vụ chia sẻ dữ liệu theo quy định.

- 100% cơ sở dữ liệu dùng chung, cơ sở dữ liệu của tỉnh được chuẩn hóa, kết nối, phân quyền và từng bước bảo đảm sẵn sàng khai thác phục vụ trí tuệ nhân tạo.

- Trung tâm điều hành thông minh tỉnh được nâng cấp theo hướng tích hợp dữ liệu, trí tuệ nhân tạo phục vụ phân tích, dự báo, cảnh báo, giám sát và hỗ trợ ra quyết định.

- Phấn đấu 70% số chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê được biên soạn từ nguồn dữ liệu hành chính theo lộ trình, hướng dẫn của Trung ương.

c) Nhân lực và năng lực số trong cơ quan nhà nước

- 100% cán bộ, công chức, viên chức có hồ sơ điện tử theo quy định.

- 100% cán bộ lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng số.

- 100% cán bộ chuyên trách về chuyển đổi số, công nghệ thông tin được đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật công nghệ số.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức có tài khoản và được đào tạo sử dụng nền tảng trợ lý AI công vụ theo lộ trình triển khai của Trung ương và của tỉnh.

d) Xếp hạng chuyển đổi số

- Chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh (DTI) phấn đấu thuộc nhóm 15 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước.

2.2. Hạ tầng số và dữ liệu số

a) Hạ tầng viễn thông

- Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ đến 100% hộ gia đình.

- Tỷ lệ phủ sóng 5G đạt từ 90% trở lên, tỷ lệ phủ sóng 4G đạt 100%; 100% khu, cụm công nghiệp, khu kinh tế và khu du lịch trọng điểm được phủ sóng 5G, triển khai IoT.

- Hằng năm rà soát, lập danh sách 100% vùng lõm sóng thông tin di động tại khu vực có dân cư sinh sống; xác định rõ mức độ ưu tiên, phương án, đơn vị phối hợp và lộ trình xử lý, phấn đấu cơ bản xóa vùng lõm sóng theo điều kiện kỹ thuật và khả năng đầu tư.

- Mạng truyền số liệu chuyên dùng được triển khai đồng bộ, an toàn, kết nối thông suốt đến cấp xã.

b) Hạ tầng dữ liệu

- Nâng cấp hạ tầng Trung tâm dữ liệu của tỉnh đạt tiêu chuẩn quốc tế, tối thiểu Tier 3, đồng bộ, liên thông với Trung tâm dữ liệu quốc gia; thu hút đầu tư ít nhất 01 Trung tâm dữ liệu phân tán quy mô vùng, sử dụng năng lượng tái tạo, đáp ứng yêu cầu an toàn, an ninh mạng.

- Hoàn thiện Kho dữ liệu dùng chung tỉnh; tăng cường kết nối, chia sẻ với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành. Phát triển Cổng dữ liệu mở tỉnh, từng bước cung cấp các bộ dữ liệu có giá trị cao phục vụ người dân, doanh nghiệp, nghiên cứu, đổi mới sáng tạo và phát triển kinh tế dữ liệu.

- 100% cơ sở dữ liệu chuyên ngành được số hóa, chuẩn hóa, kết nối, chia sẻ thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh và kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia; 100% dữ liệu chỉ đạo, điều hành được cập nhật trên Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh.

c) An toàn thông tin

- 100% hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý được xác định, phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin theo quy định và triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin tương ứng.

2.3. Kinh tế số

a) Phát triển quy mô và chuyển đổi số doanh nghiệp

- Phấn đấu tỷ trọng kinh tế số đạt tối thiểu 20% GRDP của tỉnh vào năm 2030; trong đó kinh tế số các ngành, lĩnh vực đạt bình quân từ 25% giá trị gia tăng ngành trở lên và chiếm tối thiểu 70% kinh tế số.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh; tăng tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng nền tảng số, điện toán đám mây, dữ liệu và trí tuệ nhân tạo.

- Phấn đấu trên 40% doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận, sử dụng các nền tảng "mô hình như một dịch vụ", tác nhân AI hoặc các giải pháp AI dùng chung.

- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa có hoạt động đổi mới quy trình, mô hình, ứng dụng công nghệ, nâng cao năng suất đạt từ 30% trở lên; tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số trong quản lý, sản xuất, kinh doanh đạt từ 70% trở lên; tỷ lệ hợp tác xã sử dụng nền tảng số đạt từ 70% trở lên; tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử đạt 100%.

- 100% doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh có nhu cầu được tiếp cận thông tin, công cụ tự đánh giá mức độ sẵn sàng, tư vấn hoặc chương trình hỗ trợ chuyển đổi số phù hợp; kế hoạch hằng năm xác định số lượng doanh nghiệp được hỗ trợ, giải pháp được áp dụng và kết quả sử dụng thực tế.

- Phát triển doanh nghiệp công nghệ số, thúc đẩy hình thành các sản phẩm, dịch vụ số phục vụ các bài toán thực tiễn của tỉnh.

- Hằng năm hỗ trợ tối thiểu 05 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; tối thiểu 20 sản phẩm, dịch vụ đổi mới sáng tạo được thương mại hóa; tối thiểu 05 dự án đổi mới sáng tạo và 05 sáng chế, giải pháp hữu ích về kinh tế số có địa chỉ tại tỉnh.

b) Thương mại điện tử và kinh tế số ngành, lĩnh vực

- Phấn đấu tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt từ 30% trở lên vào năm 2030.

- 100% sản phẩm OCOP và nông sản chủ lực của tỉnh được đưa lên các sàn thương mại điện tử, gắn với hệ thống truy xuất nguồn gốc điện tử.

- Tiếp tục phát triển, hoàn thiện mô hình Cửa khẩu thông minh tại khu vực cửa khẩu quốc tế, ứng dụng dữ liệu, trí tuệ nhân tạo, Internet vạn vật và các công nghệ số phù hợp nhằm nâng cao năng lực thông quan và logistics.

2.4. Xã hội số

a) Công dân số và kỹ năng số

- 100% người dân đủ điều kiện được tạo lập và sử dụng danh tính số, định danh điện tử theo quy định; tỷ lệ người dân kích hoạt và có phát sinh sử dụng được theo dõi, đánh giá riêng theo số liệu của hệ thống.

- Phấn đấu tỷ lệ dân số từ 18 tuổi trở lên có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt trên 70%; triển khai theo lộ trình hằng năm, gắn việc cấp và kích hoạt với các tình huống sử dụng cụ thể, đồng thời theo dõi tỷ lệ phát sinh sử dụng thực tế.

- Phát triển Ứng dụng Công dân số tỉnh Lào Cai theo hướng tích hợp đa tiện ích, kết nối với VNeID và các nền tảng số quốc gia.

- Tiếp tục triển khai sâu rộng Phong trào "Bình dân học vụ số"; phổ cập kỹ năng số cơ bản cho người dân, ưu tiên người dân vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, các nhóm yếu thế.

- Phát triển Mạng lưới chuyển đổi số tại cơ sở, lấy Tổ công nghệ số cộng đồng làm lực lượng nòng cốt hỗ trợ người dân tiếp cận, sử dụng các nền tảng, dịch vụ số.

- Tỷ lệ nhân lực lao động kinh tế số trong lực lượng lao động toàn tỉnh đạt từ 2% trở lên; hằng năm tối thiểu 20% doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã được đào tạo, tập huấn về khoa học và công nghệ; 100% thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng được đào tạo hằng năm; 100% ngành kinh tế chủ lực của tỉnh có chuyên gia được đào tạo về kinh tế số ngành, lĩnh vực.

b) Dịch vụ số thiết yếu

- Phấn đấu 100% người dân được lập sổ sức khỏe điện tử theo lộ trình của ngành y tế.

- Đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt trong hoạt động hành chính công và các dịch vụ thiết yếu về y tế, giáo dục, điện, nước và các lĩnh vực phù hợp.

c) Giáo dục và phát triển năng lực số

- Triển khai, nhân rộng các mô hình giáo dục STEM/STEAM, giáo dục kỹ năng số trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng tối thiểu 05 "Trung tâm nghiên cứu và thực nghiệm phương thức giáo dục tiên tiến" tại các trường trung học phổ thông trọng điểm; triển khai mô hình giáo dục STEM tại 200 cơ sở giáo dục phổ thông; 100% học sinh, sinh viên các trường cao đẳng, đại học, trường dạy nghề được đào tạo về kỹ năng số và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

VI. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Hoàn thiện thể chế số, kiến trúc số và phương thức tổ chức thực hiện

Thường xuyên rà soát, sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền hoàn thiện các văn bản thuộc phạm vi quản lý của tỉnh về dữ liệu, giao dịch điện tử, định danh và xác thực điện tử, chữ ký số, thanh toán số, dịch vụ công trực tuyến, nền tảng số, AI, tài sản số, kinh tế dữ liệu, thương mại điện tử, bảo vệ dữ liệu cá nhân, an toàn thông tin mạng và các mô hình quản lý, sản xuất, kinh doanh mới trên môi trường số; chuyển mạnh từ tiền kiểm sang hậu kiểm theo quy định, tạo môi trường thuận lợi cho đổi mới sáng tạo.

Rà soát các chương trình, đề án, kế hoạch về chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, nhân lực số đã ban hành; bảo đảm thống nhất với Luật Chuyển đổi số và Chiến lược quốc gia về chuyển đổi số; kịp thời sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc tích hợp nội dung không còn phù hợp. Rà soát cơ chế, chính sách về doanh nghiệp, khởi nghiệp sáng tạo, sở hữu trí tuệ, thương mại, đầu tư và kinh doanh để hỗ trợ phát triển sản phẩm, dịch vụ và mô hình kinh doanh số mới.

Xây dựng, cập nhật Khung kiến trúc số tỉnh Lào Cai tuân thủ Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số; triển khai Khung kiến trúc dữ liệu, Khung quản trị dữ liệu, từ điển dữ liệu dùng chung, bộ chỉ số và khung hướng dẫn mức độ trưởng thành quản trị dữ liệu theo quy định của Trung ương.

Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ, biểu mẫu, chế độ báo cáo; tăng cường gửi, nhận văn bản, báo cáo điện tử tích hợp chữ ký số; số hóa, lập, quản lý và lưu trữ hồ sơ công việc điện tử. Hoàn thiện cơ chế cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, chủ động, cá thể hóa và từng bước tự động trên cơ sở dữ liệu và AI; mở rộng kênh tiếp cận dịch vụ công qua các nền tảng đủ điều kiện.

Đổi mới cơ chế đầu tư, đặt hàng, giao nhiệm vụ, mua sắm công, thuê dịch vụ công nghệ số và hợp tác công - tư; ưu tiên sản phẩm, nền tảng, dịch vụ "Make in Viet Nam"; nghiên cứu áp dụng cơ chế thử nghiệm có kiểm soát đối với công nghệ, sản phẩm, dịch vụ và mô hình kinh doanh số mới theo quy định.

Ưu tiên sử dụng nền tảng số dùng chung quốc gia và của tỉnh; không đầu tư riêng lẻ, trùng lặp khi đã có nền tảng đáp ứng yêu cầu. Trước khi quyết định đầu tư, mua sắm hoặc thuê dịch vụ công nghệ số phải đánh giá nhu cầu, khả năng liên thông, mở rộng, tái sử dụng, an toàn thông tin và tổng chi phí trong toàn bộ vòng đời, gồm chi phí đầu tư, vận hành, bảo trì, nâng cấp, bản quyền, nhân lực và kết thúc/chuyển đổi dịch vụ. Ưu tiên thuê dịch vụ đối với công nghệ biến đổi nhanh, cần cập nhật thường xuyên hoặc có thể cung cấp hiệu quả theo mô hình dịch vụ.

Tổ chức thực hiện theo nguyên tắc "6 rõ"; người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương trực tiếp chỉ đạo và chịu trách nhiệm về kết quả. Thường xuyên thống kê, đo lường, giám sát, đánh giá công khai trên nền tảng số; sử dụng kết quả thực hiện và mức độ chuyển đổi số làm căn cứ xếp hạng, khen thưởng, điều chỉnh nhiệm vụ và ưu tiên bố trí nguồn lực.

2. Phát triển hạ tầng số đồng bộ, hiện đại, an toàn và bền vững

Ưu tiên phát triển hạ tầng băng rộng cố định và di động tốc độ cao, 5G và các thế hệ mạng di động tiếp theo; hạ tầng IoT, điện toán đám mây, điện toán biên, trung tâm dữ liệu, hạ tầng tính toán hiệu năng cao, hạ tầng AI và các nền tảng kết nối số. Phối hợp khai thác hạ tầng vệ tinh tại khu vực khó khăn; phổ cập cáp quang đến hộ gia đình, xóa vùng lõm sóng, ưu tiên vùng sâu, vùng xa, biên giới và vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Tái cấu trúc hạ tầng công nghệ thông tin của cơ quan nhà nước thành hạ tầng số thống nhất, hiện đại, linh hoạt, an toàn, có khả năng mở rộng; kết hợp hiệu quả Mạng truyền số liệu chuyên dùng, Internet và trung tâm dữ liệu; kết nối thông suốt đến cấp xã. Thúc đẩy chuyển đổi IPv6 và sử dụng tên miền quốc gia ".vn" đối với nền tảng, dịch vụ số phù hợp.

Ban hành hoặc áp dụng bộ tiêu chuẩn tối thiểu đối với đường truyền, máy tính, thiết bị số, thiết bị đầu cuối và giải pháp bảo đảm an toàn thông tin tại cơ quan cấp xã; tổ chức rà soát hằng năm, xây dựng lộ trình thay thế thiết bị cũ, không đáp ứng yêu cầu. Ưu tiên nâng cao chất lượng kết nối tại trụ sở cơ quan, trường học, trạm y tế, nhà văn hóa thôn và điểm phục vụ cộng đồng ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Hoàn thiện hạ tầng định danh, xác thực, chữ ký số, thanh toán số, địa chỉ số, bản đồ số, tích hợp, chia sẻ và điều phối dữ liệu; hạ tầng giám sát, đo lường, cảnh báo và điều hành theo thời gian thực; từng bước triển khai định danh, xác thực cho thiết bị, hệ thống và tác nhân AI.

Phát triển hạ tầng dữ liệu, điện toán đám mây theo hướng hiện đại, xanh, an toàn, có năng lực dự phòng và phục hồi sau sự cố; kết nối, dùng chung và tối ưu đầu tư phù hợp lộ trình dịch chuyển dữ liệu, ứng dụng lên Trung tâm dữ liệu quốc gia. Bảo đảm nguồn điện xanh, sạch, ổn định cho trung tâm dữ liệu và các hạ tầng số quan trọng.

Nghiên cứu triển khai bản sao số, nền tảng phân tích, mô phỏng, dự báo và hỗ trợ ra quyết định trong các lĩnh vực cần điều hành thời gian thực như giao thông, năng lượng, tài nguyên, môi trường, nông nghiệp, đô thị, cửa khẩu, logistics và dịch vụ công thiết yếu.

Phát triển hạ tầng IoT; tích hợp cảm biến và công nghệ số vào giao thông, năng lượng, điện, nước, đô thị và hạ tầng thiết yếu. Các chương trình, dự án đầu tư xây dựng hạ tầng thiết yếu phải nghiên cứu, phân tích khả năng bổ sung hạng mục IoT, cảm biến và ứng dụng số ngay từ giai đoạn chuẩn bị đầu tư; ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành lộ trình, quy định áp dụng, bảo đảm dùng chung hạ tầng, tránh đầu tư trùng lặp.

Nâng cao năng lực chống chịu của hạ tầng số trước rủi ro an ninh mạng, thiên tai, khủng hoảng, gián đoạn chuỗi cung ứng và thách thức an ninh phi truyền thống; huy động nguồn lực nhà nước, doanh nghiệp và xã hội, thúc đẩy hợp tác công - tư trong phát triển hạ tầng số.

3. Phát triển dữ liệu số, nền tảng số dùng chung và trí tuệ nhân tạo

Thiết lập phương thức quản trị dữ liệu thống nhất theo nguyên tắc dữ liệu "đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung", được bảo vệ an toàn và khai thác hiệu quả. Xây dựng, hoàn thiện, số hóa, chuẩn hóa, làm sạch, kết nối và chia sẻ cơ sở dữ liệu của tỉnh, cơ sở dữ liệu chuyên ngành; ưu tiên dữ liệu dân cư, đất đai, doanh nghiệp, tài chính, bảo hiểm, y tế, giáo dục, lao động, an sinh xã hội, cán bộ, công chức, viên chức, giao thông, tài nguyên và môi trường.

Hoàn thiện Kho dữ liệu dùng chung tỉnh Lào Cai để tập hợp dữ liệu có cấu trúc và phi cấu trúc; phát triển hệ thống xử lý dữ liệu thông minh, công cụ phân tích, khai phá dữ liệu, dữ liệu lớn và AI phục vụ chỉ đạo, điều hành, thống kê, dự báo, cảnh báo và hoạch định chính sách.

Đẩy mạnh số hóa, chuẩn hóa, làm sạch và tái sử dụng dữ liệu trong giải quyết thủ tục hành chính; bảo đảm dữ liệu, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được chia sẻ và tái sử dụng để đơn giản hóa hồ sơ, rút ngắn thời gian xử lý, nâng cao tỷ lệ hồ sơ toàn trình và mức độ hài lòng. Tái cấu trúc 100% thủ tục hành chính thiết yếu, không yêu cầu người dân khai báo lại thông tin đã có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các hệ thống của cơ quan nhà nước.

Sử dụng thống nhất, hiệu quả các nền tảng số dùng chung quốc gia; phát triển, hoàn thiện các nền tảng dùng chung của tỉnh có tích hợp AI, ưu tiên nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu; định danh và xác thực; thanh toán số; bản đồ số; điều hành, báo cáo, giám sát; trợ lý số và AI dùng chung; dữ liệu mở; y tế số, giáo dục số, thương mại số, logistics số, nông nghiệp số, du lịch số, đô thị thông minh và các lĩnh vực trọng điểm.

Thực hiện nguyên tắc cấp xã không đầu tư, xây dựng cơ sở dữ liệu hoặc nền tảng riêng trùng lặp với hệ thống dùng chung của quốc gia, của tỉnh. Cơ quan chủ quản nền tảng chịu trách nhiệm duy trì hệ thống, tiêu chuẩn và từ điển dữ liệu, kết nối, chia sẻ, phân quyền và hỗ trợ kỹ thuật; cấp xã tập trung số hóa, cập nhật, chuẩn hóa, làm sạch dữ liệu thuộc phạm vi quản lý và khai thác hiệu quả nền tảng dùng chung.

Xây dựng bảng điều khiển dùng chung phục vụ cấp tỉnh, sở, ngành và cấp xã theo dõi tiến độ làm sạch dữ liệu, hồ sơ trực tuyến, chữ ký số, mức độ sử dụng nền tảng và chỉ tiêu chuyển đổi số. Ưu tiên tự động trích xuất số liệu từ các hệ thống dùng chung; hạn chế yêu cầu nhập lại cùng một dữ liệu trên nhiều hệ thống hoặc báo cáo lặp lại bằng biểu thủ công.

Phát triển Cổng dữ liệu mở tỉnh; công bố dữ liệu mở, hiện trạng, lộ trình xây dựng, mức độ chia sẻ, sử dụng và thông tin cần thiết để kết nối; ưu tiên bộ dữ liệu giá trị cao phục vụ đổi mới sáng tạo, nghiên cứu khoa học, phát triển doanh nghiệp, thương mại điện tử, dịch vụ số, thống kê, dự báo và giải quyết vấn đề xã hội. Chủ động chuẩn hóa, mở, chia sẻ và đưa dữ liệu đủ điều kiện lên sàn dữ liệu theo quy định.

Phát triển, thử nghiệm, ứng dụng và nhân rộng nền tảng AI dùng chung, AI chuyên ngành. Ứng dụng AI hỗ trợ người dân, doanh nghiệp thực hiện thủ tục hành chính, tự động điền biểu mẫu và từng bước tự động thẩm định hồ sơ đơn giản; phấn

đấu giảm 50% thời gian xử lý đối với quy trình đủ điều kiện. Ưu tiên AI trong quản trị địa phương, công nghiệp, giáo dục, y tế, nông nghiệp thông minh, du lịch, thương mại, logistics và sản xuất, kinh doanh.

Triển khai hướng dẫn về đạo đức AI, quản trị rủi ro AI, trách nhiệm pháp lý, an toàn, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu; bảo đảm dữ liệu chất lượng cao, tin cậy, liên thông và tái sử dụng phục vụ phát triển AI; không để lộ, lọt dữ liệu cá nhân, bí mật nhà nước, bí mật kinh doanh.

Phát triển, ứng dụng nền tảng truy xuất nguồn gốc, minh bạch chuỗi cung ứng, xác thực và chia sẻ dữ liệu phục vụ sản xuất, thương mại, logistics, nông nghiệp, xuất khẩu; gắn với lợi thế cửa khẩu, sản phẩm OCOP và sản phẩm chủ lực của tỉnh.

4. Phát triển nhân lực số, công dân số và xã hội số bao trùm

Nâng cao năng lực số cho cán bộ, công chức, viên chức, nhất là người đứng đầu, cán bộ xây dựng chính sách, cán bộ chuyên trách chuyển đổi số, công nghệ thông tin, an toàn thông tin mạng, Tổ công nghệ số cộng đồng và lực lượng hỗ trợ chuyển đổi số ở cơ sở; chú trọng năng lực lãnh đạo số, quản trị số và ra quyết định dựa trên dữ liệu.

Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên về chuyển đổi số, AI, dữ liệu, điện toán đám mây, nền tảng số, quản trị dữ liệu và an toàn trên không gian mạng; triển khai tài khoản và đào tạo sử dụng nền tảng trợ lý AI công vụ cho cán bộ, công chức, viên chức theo lộ trình.

Đổi mới giáo dục, đào tạo theo hướng phát triển tư duy số, AI, tư duy dữ liệu, năng lực sử dụng công nghệ, an toàn thông tin, sáng tạo và thích ứng; tăng cường STEM/STEAM, giáo dục nghề nghiệp số, đào tạo lại và đào tạo thường xuyên; phát triển mô hình "Học từ làm việc thực tế", liên kết Nhà nước - nhà trường - doanh nghiệp.

Triển khai sâu rộng phong trào "Bình dân học vụ số"; phổ cập kỹ năng số cơ bản, kỹ năng an toàn số, giao dịch số, thanh toán số, chữ ký số, định danh điện tử và sử dụng dịch vụ công trực tuyến; phát triển nền tảng học tập suốt đời, kết nối đào tạo, việc làm và dự báo nhu cầu nhân lực.

Thu hẹp khoảng cách số, ưu tiên vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới và nhóm yếu thế; bảo đảm mọi người dân có cơ hội tiếp cận, sử dụng và thụ hưởng thành quả chuyển đổi số.

Phổ cập công dân số; phát triển, hoàn thiện Ứng dụng Công dân số tỉnh Lào Cai tích hợp đa tiện ích, kết nối VNeID và nền tảng số quốc gia. Củng cố Mạng lưới chuyển đổi số tại cơ sở, nòng cốt là Tổ công nghệ số cộng đồng; xây dựng chính sách hỗ trợ hoạt động và huy động nguồn lực xã hội hóa.

Duy trì hoạt động thực chất của Tổ công nghệ số cộng đồng thông qua tài liệu hướng dẫn thống nhất, ngắn gọn, trực quan; tập huấn định kỳ; đầu mối hỗ trợ kỹ thuật; công cụ và nguồn lực tối thiểu phù hợp quy định. Ưu tiên hình thức hỗ trợ trực tiếp tại thôn, bản đối với người cao tuổi, người ít sử dụng thiết bị thông minh, người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và nhóm yếu thế.

Phổ biến, triển khai Bộ Quy tắc ứng xử văn hóa trên môi trường số; xây dựng hệ sinh thái nội dung số đa nền tảng, nâng cao năng lực số cho người dân, nhất là trẻ em; phòng, chống thông tin xấu độc và yếu tố phản cảm, phi văn hóa trên môi trường số.

Thu hút, sử dụng, đãi ngộ và trọng dụng nhân tài, chuyên gia công nghệ số, AI, dữ liệu, an toàn thông tin trong và ngoài nước; khuyến khích doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học và chuyên gia tham gia giải quyết các bài toán chuyển đổi số của tỉnh.

5. Phát triển kinh tế số và doanh nghiệp công nghệ số

Phát triển hệ sinh thái doanh nghiệp công nghệ số "Make in Viet Nam"; ưu tiên doanh nghiệp phát triển nền tảng số, dữ liệu, AI, an toàn thông tin, điện toán đám mây, bán dẫn, phần mềm, nội dung số và giải pháp chuyển đổi số theo ngành, lĩnh vực.

Phát huy vai trò cơ quan nhà nước là thị trường và khách hàng quan trọng của doanh nghiệp công nghệ số; tạo không gian thử nghiệm và thị trường ban đầu thông qua đặt hàng, giao nhiệm vụ, mua sắm công, thuê dịch vụ và thử nghiệm có kiểm soát; ưu tiên ứng dụng trong dịch vụ công, nền tảng dùng chung, cơ sở dữ liệu, y tế số, giáo dục số, thanh toán số và quản trị số.

Hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ số nâng cao năng lực nghiên cứu, thiết kế, sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn chất lượng, an toàn, bảo mật, thương mại hóa và mở rộng thị trường; tăng cường liên kết doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp nhỏ và vừa, viện nghiên cứu, trường đại học, trung tâm đổi mới sáng tạo và cơ quan nhà nước để hình thành chuỗi giá trị công nghệ số.

Thúc đẩy chuyển đổi số doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh; hỗ trợ ứng dụng nền tảng số, dữ liệu, AI, thương mại điện tử, thanh toán số, hóa đơn điện tử, hợp đồng điện tử, chữ ký số và giải pháp quản trị số; xây dựng hiện diện số trên Internet thông qua tên miền quốc gia ".vn", website, thư điện tử và dịch vụ số.

Đối với cấp xã, triển khai kinh tế số, xã hội số theo mức độ phù hợp với điều kiện từng địa phương; ưu tiên nhiệm vụ tạo kết quả trực tiếp như đưa sản phẩm OCOP, nông sản, sản phẩm đặc trưng lên nền tảng số; hỗ trợ hợp tác xã, hộ kinh doanh sử dụng thanh toán số, hóa đơn điện tử, truy xuất nguồn gốc; ứng dụng số trong y tế, giáo dục; xây dựng thôn số, thôn thông minh. Mỗi xã lựa chọn mô hình trọng tâm có sản phẩm, chỉ tiêu đo lường, khả năng duy trì và nhân rộng, tránh triển khai dàn trải.

Mở rộng kinh tế số từ số hóa hoạt động hiện hữu đến kiến tạo mô hình kinh doanh mới, ngành nghề mới và không gian tăng trưởng mới dựa trên công nghệ số; ưu tiên kinh tế cửa khẩu, logistics, du lịch, nông nghiệp, công nghiệp, thương mại và các ngành có lợi thế của tỉnh.

Ưu tiên phát triển, ứng dụng công nghệ số chiến lược và công nghệ mới nổi như AI, dữ liệu lớn, điện toán đám mây, an toàn thông tin, bán dẫn, chuỗi khối, IoT, robot, tự động hóa, thực tế mở rộng và công nghệ lượng tử; khuyến khích doanh

nghiệp lớn, doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp công nghệ dẫn dắt đổi mới sáng tạo.

Phát triển hệ sinh thái sản phẩm, dịch vụ an toàn, an ninh mạng Việt Nam; ưu tiên sử dụng nền tảng Cloud, AI, Data Engine nội địa và sản phẩm, dịch vụ bảo mật do doanh nghiệp Việt Nam làm chủ, đáp ứng yêu cầu lưu trữ, xử lý dữ liệu quan trọng, dữ liệu cốt lõi.

6. Bảo đảm an toàn, an ninh mạng, an ninh dữ liệu và bảo vệ dữ liệu cá nhân

Thực hiện đầy đủ quy định về an ninh mạng, an ninh dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân, bí mật nhà nước và an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ; bảo đảm 100% hệ thống thông tin được xác định, phê duyệt cấp độ và triển khai đầy đủ phương án bảo vệ tương ứng.

Mở rộng giám sát an toàn thông tin, kết nối chia sẻ cảnh báo; nâng cao năng lực phát hiện, cảnh báo, ứng cứu, khắc phục sự cố đối với hạ tầng số quan trọng, nền tảng dùng chung, cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin thiết yếu; tổ chức diễn tập định kỳ.

Tăng cường phòng, chống tội phạm công nghệ cao, lừa đảo trực tuyến, mã độc, tấn công mạng và nguy cơ phát sinh trên môi trường số; triển khai bảo vệ trẻ em, quyền và lợi ích hợp pháp của người dân, doanh nghiệp trên không gian mạng.

Gắn an toàn, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu ngay từ khâu thiết kế, đầu tư, xây dựng, vận hành, nâng cấp hệ thống; ưu tiên sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin do doanh nghiệp Việt Nam làm chủ và đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.

7. Tăng cường hợp tác trong nước và quốc tế

Chủ động tham gia, triển khai các nguyên tắc, tiêu chuẩn, quy chuẩn và khuôn khổ hợp tác về 5G/6G, quản trị dữ liệu, AI, an toàn thông tin, định danh số, chữ ký số, thanh toán số, thương mại số, dịch vụ số, luồng dữ liệu xuyên biên giới, bảo vệ dữ liệu cá nhân và kinh tế số theo hướng dẫn của Trung ương.

Mở rộng hợp tác với bộ, ngành, địa phương, quốc gia, tổ chức quốc tế, tập đoàn công nghệ, viện nghiên cứu và trường đại học để tiếp nhận tri thức, chuyển giao công nghệ, đào tạo nhân lực chất lượng cao và phát triển hạ tầng số; ưu tiên công nghệ số chiến lược, công nghệ lõi và công nghệ mới nổi, đồng thời kiểm soát rủi ro phụ thuộc công nghệ, nền tảng, dữ liệu và chuỗi cung ứng.

Phát huy lợi thế tỉnh biên giới, thúc đẩy hợp tác với tỉnh Vân Nam (Trung Quốc) và đối tác phù hợp trong cửa khẩu thông minh, logistics, thương mại số, dữ liệu, truy xuất nguồn gốc và các sáng kiến số xuyên biên giới theo quy định.

Tăng cường hợp tác xử lý các vấn đề xuyên biên giới về an ninh mạng, tội phạm công nghệ cao, bảo vệ dữ liệu, phòng chống thông tin xấu độc và bảo vệ trẻ em; gắn hợp tác chuyển đổi số với ngoại giao kinh tế, ngoại giao công nghệ, thu hút đầu tư chất lượng cao và mở rộng thị trường cho sản phẩm, dịch vụ số.

Chủ động hợp tác quốc tế trong quản lý tài nguyên chung trên môi trường số, không gian mạng; tham gia tổ chức, diễn đàn và sáng kiến chuyển đổi số phù hợp; khuyến khích biên bản ghi nhớ, chương trình hợp tác có sản phẩm, lộ trình và cơ chế đánh giá cụ thể.

8. Truyền thông, huy động nguồn lực

Tổ chức truyền thông thường xuyên, đa nền tảng về lợi ích, kết quả, mô hình điển hình, kỹ năng và trách nhiệm trong chuyển đổi số; phát huy vai trò cơ quan báo chí, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp và Tổ công nghệ số cộng đồng.

Bố trí nhân lực, kinh phí, hạ tầng và điều kiện cần thiết; lồng ghép nguồn lực từ các chương trình, kế hoạch, đề án; ưu tiên nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách, có tác động lan tỏa. Khuyến khích thuê dịch vụ, hợp tác công - tư, xã hội hóa và sử dụng nền tảng dùng chung để tiết kiệm, tránh đầu tư trùng lặp.

Nguồn lực thực hiện Kế hoạch gồm ngân sách nhà nước, vốn đầu tư công, kinh phí chi thường xuyên theo phân cấp ngân sách, nguồn lồng ghép từ các chương trình, đề án, kế hoạch, nguồn xã hội hóa, hợp tác công - tư, thuê dịch vụ và các nguồn hợp pháp khác. Việc huy động, quản lý, sử dụng nguồn lực phải đúng thẩm quyền và quy định của pháp luật.

Việc bố trí kinh phí căn cứ khả năng cân đối ngân sách, kế hoạch đầu tư công trung hạn, dự toán ngân sách hằng năm, tiến độ, sản phẩm đầu ra và thứ tự ưu tiên; bảo đảm tập trung, tiết kiệm, hiệu quả, tránh dàn trải, trùng lặp. Ưu tiên nguồn lực cho hạ tầng và nền tảng dùng chung, dữ liệu, an toàn thông tin, nhiệm vụ trực tiếp phục vụ người dân, doanh nghiệp và nhu cầu thiết yếu của cấp xã, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

9. Đo lường, giám sát, đánh giá triển khai

Kết nối, chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu; phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, bộ quản lý ngành, lĩnh vực và cơ quan liên quan trong theo dõi, đánh giá, điều chỉnh Chiến lược và triển khai nhiệm vụ liên ngành, liên vùng.

Thực hiện báo cáo định kỳ, đột xuất; tổ chức sơ kết giữa kỳ, tổng kết cuối kỳ; kịp thời đề xuất điều chỉnh mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phù hợp tình hình thực tế và yêu cầu của Trung ương.

Thực hiện đánh giá chỉ số chuyển đổi số (DTI) cấp sở, ngành và địa phương hàng năm để gắn trách nhiệm người đứng đầu.

Đánh giá kết quả thực hiện gắn với hiệu quả sử dụng nguồn lực, không chỉ căn cứ mức độ hoàn thành thủ tục hoặc tỷ lệ giải ngân. Các chỉ tiêu đánh giá gồm sản phẩm đầu ra, mức độ sử dụng thực tế, số người dân và doanh nghiệp được hưởng lợi, thời gian và chi phí được cắt giảm, mức độ liên thông và tái sử dụng dữ liệu, mức độ hài lòng, an toàn thông tin và giá trị kinh tế - xã hội tạo ra.

Kết quả đánh giá hằng năm là căn cứ xem xét tiếp tục bố trí, điều chỉnh, tạm dừng hoặc ưu tiên nguồn lực; xử lý nhiệm vụ chậm tiến độ, trùng lặp, hiệu quả

thấp và nhân rộng mô hình có kết quả tốt. Báo cáo ưu tiên sử dụng dữ liệu tự động từ các hệ thống dùng chung.

Sử dụng kết quả đánh giá mức độ hài lòng của người dân trên Cổng dịch vụ công làm chỉ số đánh giá hiệu quả chuyển đổi số chính quyền.

VII. NGUỒN VỐN THỰC HIỆN

- Ngân sách trung ương hỗ trợ cho địa phương để triển khai thực hiện chuyển đổi số giai đoạn 2026 – 2030.

- Ngân sách địa phương bố trí lồng ghép từ các chương trình, đề án, dự án và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo của UBND tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06

Chỉ đạo toàn diện việc triển khai Kế hoạch; định kỳ kiểm tra, đánh giá, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; chỉ đạo kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu và phối hợp liên ngành.

2. Sở Khoa học và Công nghệ

Là cơ quan đầu mối tham mưu UBND tỉnh tổ chức triển khai; hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và tổng hợp kết quả thực hiện.

Hằng năm chủ trì xây dựng kế hoạch chuyển đổi số của tỉnh, xác định rõ nhiệm vụ, tiến độ, sản phẩm, nguồn lực và trách nhiệm; tham mưu điều chỉnh, bổ sung khi cần thiết.

Chủ trì, hướng dẫn các nội dung về hạ tầng số, nền tảng số, dữ liệu số, AI, công nghiệp công nghệ số, nhân lực số và an toàn thông tin mạng thuộc phạm vi chức năng.

3. Công an tỉnh

Chủ trì, phối hợp triển khai Đề án 06, định danh và xác thực điện tử, VNeID, dữ liệu dân cư, an ninh mạng, an ninh dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân và phòng, chống tội phạm công nghệ cao.

Phối hợp kết nối, chia sẻ, tái sử dụng dữ liệu dân cư phục vụ thủ tục hành chính, công dân số và các dịch vụ thiết yếu.

4. Văn phòng UBND tỉnh

Chủ trì cải cách thủ tục hành chính gắn với chuyển đổi số; tái cấu trúc quy trình, số hóa, tái sử dụng dữ liệu và nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến; phối hợp ứng dụng AI trong dịch vụ công.

5. Sở Nội vụ

Chủ trì hồ sơ điện tử cán bộ, công chức, viên chức; phối hợp đào tạo kỹ năng số, năng lực lãnh đạo số, quản trị số; tham mưu cơ chế thu hút, sử dụng chuyên gia và nhân lực công nghệ số chất lượng cao.

6. Sở Tài chính

Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh cân đối, bố trí nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch theo khả năng ngân sách và quy định của pháp luật; phối hợp tham mưu lồng ghép, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho chuyển đổi số; tham mưu phân bổ nguồn lực theo thứ tự ưu tiên, bảo đảm tập trung, tránh dàn trải, trùng lặp; phối hợp rà soát nguồn vốn đối với các chương trình, nhiệm vụ, dự án chuyển đổi số theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công và các quy định có liên quan.

7. Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh

Tổ chức triển khai nhiệm vụ tại Phụ lục; xây dựng kế hoạch chuyển đổi số hằng năm của ngành, lĩnh vực; chịu trách nhiệm về tiến độ, chất lượng, hiệu quả và sản phẩm.

Phát triển cơ sở dữ liệu chuyên ngành; chuẩn hóa, số hóa, làm sạch, kết nối, chia sẻ với Kho dữ liệu dùng chung và cơ sở dữ liệu quốc gia; bảo đảm an toàn, bảo vệ dữ liệu.

8. UBND các xã, phường

Căn cứ Kế hoạch của tỉnh và điều kiện thực tế địa phương, xây dựng kế hoạch chuyển đổi số hằng năm; xác định rõ nhiệm vụ, sản phẩm, thời hạn, đơn vị/cá nhân phụ trách và nguồn lực thực hiện.

Tổ chức khai thác hiệu quả các nền tảng số dùng chung; thực hiện số hóa, cập nhật, làm sạch dữ liệu thuộc phạm vi quản lý; không đầu tư nền tảng, cơ sở dữ liệu riêng trùng lặp với hệ thống dùng chung của tỉnh.

Rà soát hạ tầng, thiết bị, vùng lõm sóng, nhu cầu kết nối tại cơ quan, đơn vị và khu dân cư; tổng hợp, đề xuất cơ quan có thẩm quyền và doanh nghiệp viễn thông phối hợp xử lý.

Duy trì, nâng cao hiệu quả Tổ công nghệ số cộng đồng; tổ chức hỗ trợ người dân sử dụng VNeID, dịch vụ công trực tuyến, chữ ký số, thanh toán số, Ứng dụng Công dân số tỉnh và các dịch vụ số thiết yếu.

Thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin đối với tài khoản, thiết bị đầu cuối, chữ ký số và dữ liệu thuộc phạm vi quản lý; phối hợp cơ quan chuyên môn xử lý sự cố.

Theo dõi, đánh giá kết quả bằng số liệu và sản phẩm cụ thể; báo cáo định kỳ, đột xuất theo hướng dẫn, ưu tiên sử dụng dữ liệu tự động từ các hệ thống dùng chung."

9. Các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ số, tổ chức tín dụng và doanh nghiệp liên quan

Phối hợp đầu tư, phát triển hạ tầng số; nâng cao chất lượng băng rộng, 5G, cáp quang; xóa vùng lõm sóng; cung cấp giải pháp nền tảng số, AI, IoT, điện toán đám mây và an toàn thông tin phù hợp.

Tham gia đào tạo kỹ năng số, hỗ trợ doanh nghiệp và người dân, huy động nguồn lực xã hội hóa theo quy định.

10. Chế độ theo dõi, báo cáo

Các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo định kỳ, đột xuất theo yêu cầu của UBND tỉnh và hướng dẫn của Sở Khoa học và Công nghệ.

Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp, đánh giá, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Khoa học và Công nghệ hàng năm; tổ chức sơ kết giữa kỳ, tổng kết cuối kỳ; đề xuất điều chỉnh nhiệm vụ, giải pháp phù hợp.

Trên đây là Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Lào Cai giai đoạn 2026 – 2030, Uỷ ban nhân dân tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương cụ thể hóa xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện đảm bảo chất lượng, tiến độ, hiệu quả./.

Nơi nhận:
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- TT. Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQVN và tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đơn vị thuộc UBND tỉnh;
- Các cơ quan ngành dọc trên địa bàn tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Hiệp hội Doanh nghiệp; Hiệp hội Du lịch tỉnh;
- Các doanh nghiệp nhà nước của tỉnh;
- Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước khu vực IV;
- FPT, VNPT, Viettel, Mobifone Lào Cai;
- Chánh, các PCVP UBND tỉnh;
- Báo và PTTH, Cổng TTĐT tỉnh;
- Các chuyên viên tham mưu;
- Lưu: VT, HCQT, HCC, TTT&HN, NC.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Giàng Quốc Hưng

PHỤ LỤC

DANH MỤC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CHUYỂN ĐỔI SỐ TỈNH LÀO CAI GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

(Kèm theo Kế hoạch số 399/KH-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/sản phẩm	Thời gian
I. HOÀN THIỆN THỂ CHẾ SỐ					
1	Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành theo thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật trong các lĩnh vực chuyên ngành để đáp ứng các quan hệ mới phát sinh trong chuyển đổi số, khuyến khích đổi mới sáng tạo.	Các sở, ban, ngành theo lĩnh vực quản lý	Sở Tư pháp; Sở Khoa học và Công nghệ	Văn bản quy phạm pháp luật; báo cáo rà soát, đề xuất xử lý	Thường xuyên
2	Rà soát, đánh giá chương trình, đề án, kế hoạch về chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, nhân lực và kỹ năng số; đề xuất sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc tích hợp nội dung không còn phù hợp.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Báo cáo rà soát; danh mục và phương án xử lý văn bản	2026
3	Phối hợp cung cấp thông tin, tham gia góp ý và tổ chức triển khai Luật An ninh dữ liệu sau khi được ban hành.	Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tư pháp; các cơ quan liên quan	Văn bản góp ý; kế hoạch/văn bản triển khai tại tỉnh	2026 và theo lộ trình Trung ương
4	Phối hợp góp ý, triển khai quy định về định danh, xác thực, truy xuất nguồn gốc hàng hóa	Công an tỉnh	Sở Công Thương; Sở Nông nghiệp và Môi	Văn bản góp ý; hướng dẫn, kế hoạch triển khai	2026

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/sản phẩm	Thời gian
	và huy động tiềm lực khoa học, công nghệ phục vụ công tác công an.		trường; Sở Khoa học và Công nghệ		
5	Phối hợp xây dựng và triển khai cơ chế phát triển công dân số; huy động người dân tham gia chuyển đổi số, thành thạo kỹ năng số và kiến tạo xã hội số, kinh tế số, chính quyền số.	Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ngành; UBND các xã, phường	Văn bản góp ý; chương trình/kế hoạch phát triển công dân số	2026
6	Phối hợp góp ý và tổ chức thi hành các nghị định hướng dẫn Luật An ninh mạng, Luật Bảo vệ bí mật nhà nước, Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân và pháp luật có liên quan.	Công an tỉnh	Sở Tư pháp; Sở Khoa học và Công nghệ; các cơ quan, đơn vị	Văn bản góp ý; kế hoạch, hướng dẫn triển khai	2026
7	Rà soát pháp luật, cơ chế, chính sách về doanh nghiệp, khởi nghiệp sáng tạo, sở hữu trí tuệ, thương mại, đầu tư và kinh doanh, tạo thuận lợi phát triển sản phẩm, dịch vụ và mô hình kinh doanh số.	Các sở, ngành theo chức năng	Sở Tư pháp; Sở Khoa học và Công nghệ	Văn bản quy phạm pháp luật hoặc báo cáo, đề xuất chính sách	Thường xuyên
8	Xây dựng, cập nhật Khung kiến trúc số tỉnh Lào Cai tuân thủ Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số; tổ chức giám sát việc thực hiện.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường; doanh nghiệp liên quan	Khung kiến trúc số tỉnh; báo cáo giám sát, cập nhật	2026 - 2030
9	Triển khai, duy trì, cập nhật Khung kiến trúc dữ liệu, Khung quản trị dữ liệu và từ điển dữ	Sở Khoa học và Công nghệ	Công an tỉnh; các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Khung quản trị dữ liệu; từ điển dữ liệu dùng chung; tài liệu hướng dẫn	2026 - 2030

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/sản phẩm	Thời gian
	liệu dùng chung của tỉnh theo hướng dẫn của Trung ương.				
10	Triển khai Bộ chỉ số, Khung mức độ trưởng thành quản trị dữ liệu; chuẩn hóa, mở, chia sẻ và đưa dữ liệu đủ điều kiện lên sàn dữ liệu theo cơ chế của Trung ương.	Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ban, ngành	Kết quả tự đánh giá; danh mục dữ liệu chuẩn hóa, mở, chia sẻ	2026 và cập nhật
11	Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ, biểu mẫu, chế độ báo cáo; tăng cường văn bản, báo cáo điện tử tích hợp chữ ký số; số hóa và lưu trữ hồ sơ công việc điện tử.	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Sở Nội vụ; Sở Khoa học và Công nghệ; Văn phòng UBND tỉnh	Quy trình điện tử; biểu mẫu, chế độ báo cáo; hồ sơ điện tử	2026 - 2030
II. PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG SỐ					
12	Tái cấu trúc hạ tầng công nghệ thông tin của cơ quan nhà nước thành hạ tầng số; ứng dụng điện toán đám mây, bảo đảm kết nối, quản lý nguồn lực và dữ liệu an toàn, linh hoạt, ổn định, hiệu quả.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Hạ tầng số hoạt động ổn định, thông suốt; phương án tái cấu trúc	Thường xuyên
13	Phối hợp phát triển Mạng truyền số liệu chuyên dùng thành hạ tầng số dùng riêng, bảo đảm an toàn, an ninh, bí mật nhà nước và kết nối đến cấp xã.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị; doanh nghiệp viễn thông	Mạng truyền số liệu chuyên dùng kết nối an toàn đến cấp xã	2026 - 2030

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/sản phẩm	Thời gian
14	Phối hợp phát triển, nâng cao chất lượng phủ sóng 5G; ưu tiên đô thị, khu công nghiệp, cửa khẩu, trung tâm du lịch và khu vực có nhu cầu cao; từng bước xóa vùng lõm sóng.	Sở Khoa học và Công nghệ	Doanh nghiệp viễn thông; UBND các xã, phường; cơ quan liên quan	Mạng 5G và vùng phủ băng rộng được mở rộng, nâng cao chất lượng	2026 - 2030
15	Thúc đẩy chuyển đổi IPv6; sử dụng tên miền quốc gia ".vn" đối với nền tảng, dịch vụ số trong thương mại điện tử, giáo dục, y tế, báo chí và dịch vụ trực tuyến của cơ quan nhà nước.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường; doanh nghiệp	IPv6 triển khai rộng; nền tảng, dịch vụ phù hợp sử dụng tên miền ".vn"	2026 - 2030
16	Rà soát, bảo đảm nguồn điện xanh, sạch, ổn định cho trung tâm dữ liệu và hạ tầng số quan trọng; đề xuất điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch phát triển điện lực khi cần thiết.	Sở Công Thương	Sở Khoa học và Công nghệ; đơn vị điện lực; cơ quan liên quan	Phương án bảo đảm nguồn điện; đề xuất quy hoạch/kế hoạch	2026 - 2030
17	Ưu tiên hạ tầng bản sao số, phân tích, mô phỏng, dự báo và hỗ trợ ra quyết định trong điều hành thời gian thực, quản trị hạ tầng, năng lượng, tài nguyên, môi trường, nông nghiệp, đô thị và dịch vụ công.	Các sở, ngành theo lĩnh vực	Sở Khoa học và Công nghệ; UBND các xã, phường	Nền tảng/mô hình bản sao số, phân tích, dự báo được đưa vào vận hành	2026 - 2030
18	Phát triển hạ tầng IoT; tích hợp cảm biến, công nghệ số vào hạ tầng thiết yếu. Dự án đầu tư hạ tầng, giao thông, đô thị, xây dựng phải	Các sở, ngành; cơ quan chủ quản dự án	Sở Khoa học và Công nghệ; UBND các xã, phường	Hạ tầng IoT; nội dung phân tích, tích hợp trong hồ sơ dự án	2026 - 2030

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/sản phẩm	Thời gian
	nghiên cứu khả năng bổ sung IoT, cảm biến và hạ tầng dùng chung.				
19	Ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành quy định về công trình hạ tầng kỹ thuật thuộc phạm vi quản lý bắt buộc tích hợp cảm biến và ứng dụng số, kèm lộ trình áp dụng.	Các sở, ngành theo lĩnh vực	Sở Tư pháp; Sở Khoa học và Công nghệ	Văn bản quy phạm pháp luật/quy định và lộ trình áp dụng	2026 - 2030
III. DỮ LIỆU SỐ, NỀN TẢNG SỐ VÀ AI					
20	Hoàn thiện Kho dữ liệu dùng chung tập hợp dữ liệu có cấu trúc và phi cấu trúc; phát triển hệ thống xử lý dữ liệu thông minh để phân tích, khai phá dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Kho dữ liệu dùng chung; hệ thống xử lý, phân tích dữ liệu thông minh	2026 - 2030
21	Phối hợp xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành; số hóa, làm sạch dữ liệu cốt lõi, nhất là đất đai, nhà ở, gắn định danh chủ sở hữu với số định danh cá nhân.	Các sở, ngành chủ quản dữ liệu	Công an tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ; UBND các xã, phường	Cơ sở dữ liệu chuyên ngành được số hóa, làm sạch, kết nối	2026 - 2030
22	Tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ đối với 100% thủ tục hành chính thiết yếu; cắt giảm tối đa giấy tờ, không yêu cầu khai báo lại thông tin đã có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.	Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ngành	Công an tỉnh; Sở Tư pháp; Sở Khoa học và Công nghệ	100% quy trình thủ tục hành chính thiết yếu được tái cấu trúc	2026

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/sản phẩm	Thời gian
23	Triển khai các chuẩn kết nối, chuẩn dữ liệu và dịch vụ dùng chung, bảo đảm ứng dụng chuyên ngành liên thông, chia sẻ dữ liệu thông suốt.	Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ban, ngành	Chuẩn kết nối, chuẩn dữ liệu và dịch vụ dùng chung được áp dụng	2026
24	Phát triển, ứng dụng nền tảng truy xuất nguồn gốc, minh bạch chuỗi cung ứng, xác thực và chia sẻ dữ liệu phục vụ sản xuất, thương mại, logistics, nông nghiệp, xuất khẩu.	Sở Công Thương; Sở Nông nghiệp và Môi trường	Công an tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ; Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh; doanh nghiệp	Nền tảng truy xuất nguồn gốc, chuỗi cung ứng được mở rộng, kết nối thị trường	2026 - 2030
25	Phát triển, thử nghiệm, ứng dụng và nhân rộng nền tảng AI dùng chung, AI chuyên ngành phục vụ chỉ đạo, điều hành, dịch vụ công, quản lý nhà nước và phát triển ngành, lĩnh vực.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Nền tảng AI dùng chung; mô hình AI chuyên ngành được triển khai	2026 - 2030
26	Ứng dụng AI hỗ trợ người dân thực hiện thủ tục, tự động điền biểu mẫu và tự động thẩm định hồ sơ đơn giản; chuyển dần sang dịch vụ công trực tuyến tự động.	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh; các sở, ngành	Giải pháp AI dịch vụ công; phấn đấu giảm 50% thời gian xử lý quy trình đủ điều kiện	2026 - 2030
27	Thử nghiệm, ứng dụng, nhân rộng AI trong quản trị địa phương, công nghiệp, giáo dục, y tế, nông nghiệp thông minh, doanh nghiệp và sản xuất, kinh doanh; triển khai hướng dẫn về	Các sở, ngành theo lĩnh vực	Sở Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh	Mô hình AI ngành, lĩnh vực; quy trình quản trị, đánh giá rủi ro AI	2026 - 2030

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/sản phẩm	Thời gian
	đạo đức, rủi ro, trách nhiệm pháp lý và an ninh AI.				
28	Cung cấp dữ liệu mở; công khai hiện trạng, lộ trình xây dựng, mức độ chia sẻ, sử dụng dữ liệu và thông tin kết nối; thực hiện đánh giá mức độ phát triển dữ liệu.	Sở Khoa học và Công nghệ	Công an tỉnh; các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Cổng dữ liệu mở; bộ dữ liệu mở; báo cáo đánh giá phát triển dữ liệu	2026 - 2030
29	Đẩy nhanh đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Công an tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ; UBND các xã, phường	Cơ sở dữ liệu đất đai được hoàn thiện, kết nối	2026
30	Phối hợp xây dựng hệ sinh thái nội dung số chủ lực, đa nền tảng để tuyên truyền, định hướng dư luận về chuyển đổi số và bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian mạng.	Cơ quan báo chí của tỉnh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Khoa học và Công nghệ; các cơ quan liên quan	Chuyên trang, chuyên mục, sản phẩm nội dung số đa nền tảng	Thường xuyên
IV. NHÂN LỰC SỐ, CÔNG DÂN SỐ VÀ XÃ HỘI SỐ					
31	Xây dựng và triển khai chương trình nâng cao nhận thức, đào tạo kỹ năng chuyển đổi số, sử dụng AI và an toàn trên không gian mạng cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người dân.	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Nội vụ	Công an tỉnh; các sở, ngành; UBND các xã, phường	Chương trình, kế hoạch và các lớp đào tạo, tập huấn	2026 - 2030

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/sản phẩm	Thời gian
32	Triển khai mô hình dạy và học STEM/STEAM, kỹ năng số ngay từ cấp phổ thông.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Khoa học và Công nghệ; các cơ sở giáo dục; doanh nghiệp	Mô hình giáo dục STEM/STEAM và kỹ năng số	2026 - 2030
33	Khuyến khích học tập suốt đời, đào tạo lại người lao động trong ngành chịu tác động mạnh của tự động hóa, AI và chuyển đổi xanh.	Sở Giáo dục và Đào tạo; cơ quan quản lý lao động theo chức năng	Các cơ sở đào tạo; doanh nghiệp; các sở, ngành	Chương trình/mô hình đào tạo lại được triển khai	2026 - 2030
34	Triển khai mô hình "Học từ làm việc thực tế", liên kết giữa nhà trường và doanh nghiệp.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Cơ sở giáo dục nghề nghiệp; doanh nghiệp; các cơ quan liên quan	Chương trình hợp tác, mô hình đào tạo gắn thực tiễn	2026 - 2030
35	Triển khai phong trào "Bình dân học vụ số", ưu tiên nhóm dễ bị tổn thương, người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng khó khăn và đặc biệt khó khăn.	Công an tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành; UBND các xã, phường; doanh nghiệp công nghệ số	Người dân được trang bị kỹ năng số cơ bản; báo cáo kết quả hằng năm	2026 - 2030
36	Phổ cập công dân số; phát triển Ứng dụng Công dân số tỉnh Lào Cai tích hợp đa tiện ích, kết nối VNeID.	Sở Khoa học và Công nghệ	Công an tỉnh; các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường	Ứng dụng Công dân số tỉnh Lào Cai được hoàn thiện, vận hành	2026 - 2030
37	Phổ biến, truyền thông, triển khai Bộ Quy tắc ứng xử văn hóa trên môi trường số; đánh giá, sơ kết, tổng kết hiệu quả.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh; các cơ quan, địa phương	Tài liệu truyền thông; hội nghị; báo cáo đánh giá	Thường xuyên

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/sản phẩm	Thời gian
38	Đẩy mạnh Mạng lưới chuyển đổi số tại cơ sở, Tổ công nghệ số cộng đồng; xây dựng chính sách hỗ trợ hoạt động cấp xã, phường và huy động nguồn lực xã hội hóa.	Sở Khoa học và Công nghệ; UBND các xã, phường	Các sở, ngành; doanh nghiệp viễn thông, công nghệ số	Mạng lưới chuyển đổi số cơ sở hoạt động thường xuyên; chính sách hỗ trợ	2026 - 2030
V. KINH TẾ SỐ VÀ DOANH NGHIỆP CÔNG NGHỆ SỐ					
39	Phối hợp nghiên cứu, phát triển, làm chủ và ứng dụng sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng điểm, công nghệ trong Danh mục công nghệ chiến lược phục vụ chuyển đổi số.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành; doanh nghiệp; cơ sở nghiên cứu, đào tạo	Sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng điểm được thử nghiệm/ứng dụng	2026 - 2030
40	Khuyến khích phát triển, sử dụng nền tảng điện toán đám mây, AI và xử lý dữ liệu (Data Engine) nội địa, đáp ứng yêu cầu lưu trữ, xử lý dữ liệu quan trọng, cốt lõi tại Việt Nam.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành; doanh nghiệp công nghệ số	Nền tảng Cloud, AI, Data Engine nội địa được ứng dụng phù hợp	2026 - 2030
41	Mở rộng kinh tế số từ số hóa hoạt động hiện hữu đến kiến tạo mô hình kinh doanh, ngành nghề và không gian tăng trưởng mới dựa trên công nghệ số chiến lược.	Các sở, ngành theo lĩnh vực	Sở Khoa học và Công nghệ; cộng đồng doanh nghiệp	Mô hình kinh tế số mới; báo cáo đóng góp kinh tế số theo ngành	2026 - 2030
42	Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh, hợp tác xã xây dựng hiện diện số qua tên miền ".vn", website, thư điện tử, nền tảng số; nâng cao năng lực cạnh tranh và độ tin cậy giao dịch số.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Công Thương; cơ quan quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã; hiệp hội; doanh nghiệp	Doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã có hiện diện số tin cậy	Thường xuyên

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/sản phẩm	Thời gian
43	Phát triển hệ sinh thái sản phẩm, dịch vụ an toàn, an ninh mạng Việt Nam; thúc đẩy sử dụng công nghệ bảo mật do doanh nghiệp trong nước làm chủ.	Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ngành; doanh nghiệp	Sản phẩm, dịch vụ an toàn, an ninh mạng Việt Nam được ứng dụng	2026 - 2030
VI. HỢP TÁC QUỐC TẾ VÀ THU HÚT NGUỒN LỰC					
44	Chủ động hợp tác quốc tế trong quản lý tài nguyên chung trên môi trường số, không gian mạng; tham gia tổ chức quốc tế và sáng kiến chuyển đổi số phù hợp với thẩm quyền, quy định đối ngoại.	Cơ quan đầu mối đối ngoại của tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh; các sở, ngành	Hoạt động hợp tác quốc tế; biên bản ghi nhớ/chương trình hợp tác	2026 - 2030
45	Nghiên cứu chính sách, môi trường làm việc đặc thù để thu hút chuyên gia công nghệ, nhà khoa học dữ liệu, AI và an toàn thông tin trong và ngoài nước.	Sở Nội vụ	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính; cơ quan liên quan	Đề án/chính sách thu hút, sử dụng chuyên gia được ban hành	2026 - 2030
VII. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM ĐẶC THÙ TỈNH LÀO CAI					
46	Phát triển, hoàn thiện mô hình Cửa khẩu thông minh; ứng dụng AI, IoT, dữ liệu và công nghệ số trong thông quan, giám sát, điều phối phương tiện, logistics và thương mại xuyên biên giới.	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	Công an tỉnh; Hải quan; Biên phòng; Sở Công Thương; Sở Khoa học và Công nghệ; doanh nghiệp	Các hệ thống, nền tảng Cửa khẩu thông minh được triển khai, liên thông	2026 - 2030

STT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả/sản phẩm	Thời gian
47	Nâng cấp Trung tâm điều hành thông minh tỉnh theo hướng tích hợp dữ liệu và AI phục vụ phân tích, dự báo, cảnh báo, giám sát và hỗ trợ ra quyết định.	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng UBND tỉnh; Công an tỉnh; các sở, ngành	Trung tâm điều hành thông minh tích hợp AI, dữ liệu dùng chung	2026 - 2030
48	Phát triển du lịch số, bản đồ số, nền tảng dữ liệu du lịch, vé và thanh toán số; tăng cường trải nghiệm số, quảng bá thông minh và liên thông dữ liệu điểm đến.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Khoa học và Công nghệ; doanh nghiệp du lịch; UBND các xã, phường	Nền tảng/dữ liệu du lịch số; sản phẩm trải nghiệm số tại điểm đến	2026 - 2030
49	Phát triển nông nghiệp số; ứng dụng IoT, dữ liệu, AI, truy xuất nguồn gốc và thương mại điện tử đối với sản phẩm chủ lực, OCOP và chuỗi giá trị nông nghiệp.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Công Thương; Sở Khoa học và Công nghệ; doanh nghiệp; hợp tác xã	Mô hình nông nghiệp số; sản phẩm có truy xuất nguồn gốc và hiện diện số	2026 - 2030
50	Phát triển y tế số, giáo dục số và thanh toán không dùng tiền mặt; hoàn thiện sổ sức khỏe điện tử, hồ sơ học tập số và các dịch vụ số thiết yếu cho người dân.	Sở Y tế; Sở Giáo dục và Đào tạo	Công an tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ; tổ chức tín dụng; doanh nghiệp	Sổ sức khỏe điện tử; dịch vụ y tế, giáo dục số; tỷ lệ thanh toán số tăng	2026 - 2030
51	Bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ; mở rộng giám sát, cảnh báo, ứng cứu sự cố; tổ chức diễn tập và kiểm tra định kỳ đối với hệ thống, cơ sở dữ liệu của tỉnh.	Các cơ quan chủ quản hệ thống thông tin	Sở Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh	100% hệ thống được phê duyệt cấp độ và triển khai phương án bảo vệ; báo cáo diễn tập, kiểm tra	Thường xuyên

./.